TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
---***---
Bản án số: 03/2017/KDTM-ST
Ngày 27/06/2017
(*V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.
---

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*/- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Phương
*/- Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trần Xuân Hòa – Nguyên Chủ tịch MTTTQ xã An Vỹ.
2- Bà Đặng Thị Thêm – Nguyên Chủ tịch Hội phụ nữ xã Dạ Trạch.
*/- Thư ký phiên toà: Ông Đào Duy Trĩnh - Cán bộ Thư ký Toà án.
*/- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2016/ KDTM – ST ngày 22 tháng 8 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐST – KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

***1.*** *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân xã B.
- *Địa chỉ:* thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
-*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Đỗ Thị Q– sinh năm 1958; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã B.
*+ Trú tại:* thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).
- Người được bà Đỗ Thị Q ủy quyền là: Ông Giang Đức V – sinh năm 1957; Chức vụ: Phó giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân xã B.
*+ Trú tại:* thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).
*2. Bị đơn:* Ông Lê Văn C - sinh năm 1937.
- Trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa)
*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
- Bà Phạm Thị D - sinh năm 1942.
- Trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.(Vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/07/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Q trình bày*: Ngày 31/10/2012, ông Lê Văn C và vợ là bà Phạm Thị D có vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân xã B ( Sau đây viết tắt là QTDND xã B) số tiền gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất tại thời điểm vay là 1,6%/ tháng, với mục đích vay là chế biến dược liệu, thời hạn vay là 09 tháng. Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng số AA 10100236 ngày 31/10/2012. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng diện tích 202 m2 đất (thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 01 tại thôn T xã B huyện K tỉnh Hưng Yên – có kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MO 74897 cấp ngày 20/01/2000 mang tên ông Lê Văn C), cùng các công trình xây dựng có trên đất này. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B. Đến hạn trả nợ ông C và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng đã cam kết. Mặc dù Quỹ TDND xã B đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông C và bà D trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không trả lãi. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc vợ chồng ông C và bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ TDND xã B cụ thể như sau:

- Số tiền gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 gồm tổng cộng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 362.407.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm linh bảy ngàn đồng).

2. Trường hợp ông C và bà D không thanh toán được cho Quỹ TDND xã B số tiền gốc, lãi nói trên thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để cho Quỹ TDND xã B được quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu phát mại tài sản thế chấp (theo như hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Quỹ TDND xã B với ông C và bà D năm 2012) để thu hồi nợ vay.

Tuy nhiên, trong đơn đề nghị và tại lời khai ngày 23/09/2016 thì người đại diện của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó thì nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu buộc ông C và bà D phải trả nợ số tiền gốc và lãi theo quy định. Riêng về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Quỹ TDND xã B xin rút không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

*Tại bản tường trình và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày*: Ngày 31/10/2012 vợ chồng tôi có ra QTDND xã B làm các thủ tục thế chấp đất và vay vốn. Tôi và vợ tôi (bà Phạm Thị D) đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng, giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp, báo cáo thẩm định, phiếu chi, giấy nhận nợ vay tiền lãi suất 1,6%/tháng với mục đích là chế biến

dược liệu, thời hạn vay là 09 tháng. Tuy nhiên tôi và vợ tôi đều không được cầm tiền, tôi cũng không thắc mắc bởi vì tôi tin tưởng vào con dâu tôi là chị Đỗ Thị L đang làm kế toán tại QTDND xã B là vợ chồng tôi chỉ đứng tên vay hộ, còn việc trả nợ và lãi thì chị L sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với số tiền 350.000.000 đồng này. Từ khi vay cho đến nay thì vợ chồng tôi chưa trả được cho QTDND xã B đồng lãi hay gốc nào vì vợ chồng tôi không có tiền, chỉ vì tin tưởng con dâu nên mới đứng ra vay hộ số tiền trên. Nay QTDND xã B khởi kiện thì quan điểm của tôi là đúng vợ chồng tôi có đứng ra vay số tiền 350.000.000 đồng trên, tuy nhiên do bây giờ tôi khó khăn, già cả, không có tiền trả và cũng không nhất trí phát mại diện tích đất trên vì vợ chồng tôi không có chỗ ở. Đề nghị QTDND xã B đòi chị L số tiền gốc và lãi trên vì chị L mới là người cầm tiền và sử dụng số tiền đó.

*Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị D trình bày*: Năm 2012 vợ chồng tôi con trai tôi (là anh Lê Văn E và chị Đỗ Thị L) làm ăn bị thua lỗ, nên vợ chồng tôi đã bàn bạc thống nhất mang sổ đỏ diện tích đất mà vợ chồng tôi đang ở để thế chấp vay tiền ở QTDND xã B. Sau đó vợ chồng tôi làm hồ sơ vay vốn. Tôi và ông C đã ký vào giấy đề nghị vay vốn, với phương án sản xuất kinh doanh, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên vay số tiền bao nhiêu, thời hạn, lãi suất như thế nào thì tôi hoàn toàn không biết. tôi không được cầm tiền và nhìn thấy tiền. Nay QTDND xã B khởi kiện thì quan điểm của tôi là tôi không biết gì về số tiền, không được cầm tiền nên không chịu trách nhiệm.

***Tại phiên toà hôm nay:***

Đại diện theo pháp luật của Quỹ TDND xã B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D phải thanh toán trả Quỹ tổng số (cả nợ gốc và số lãi tính đến ngày 27/06/2017) là 712.407.000 đồng. Việc tính lãi từ ngày xét xử trở đi thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu quan điểm:

***Về việc tuân theo pháp luật:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn là ông Lê Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình vì nhiều lần vắng mặt không đến theo giấy triệu tập của Tòa án.

***Về đường lối giải quyết vụ án:***

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 - Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357; Điều 468 – Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 - Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D phải thanh toán trả Quỹ TDND xã B tổng số (cả nợ gốc và số lãi tính đến ngày 27/06/2017) là 712.407.000 đồng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất năm 2012.

Trả cho Quỹ TDND xã B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 8.750.000đ (Tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc vợ chồng ông C và bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.496.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thẩm vấn tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện khách quan các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***1. Quan hệ tranh chấp trong vụ án:***

- Quỹ TDND xã B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D trả nợ, gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

***2. Về tố tụng:***

- Quỹ TDND xã B ký hợp đồng tín dụng AA 10100236 ngày 31/10/2012, thời hạn vay là 09 tháng. Đến ngày 31/07/2013 thì ông Lê Văn C có đơn xin đề nghị gia hạn và được Quỹ đồng ý gia hạn đến ngày 31/01/2014. Từ năm 2013 đến năm 2015 ông C còn nhiều lần ký vào biên bản kiểm tra đôn đốc nợ và xin khất nợ. Vì vậy Quỹ TDND xã B khởi kiện vào ngày 01/07/2016 là vẫn còn trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về việc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa sơ thẩm (lần 1 là ngày 12/6/2017 và lần 2 là ngày 27/6/2017) nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D.

***3. Về yêu cầu của đương sự*:**

Xét yêu cầu của Quỹ TDND xã B về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D phải thanh toán trả nợ toàn bộ số tiền gốc là 350.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 là 362.407.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 712.407.000 đồng, thì

thấy rằng với những tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp, giấy đề nghị vay vốn, phương án sản xuất đều có chữ ký của vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D. Kèm theo là phiếu chi tiền, các giấy nhận nợ, giấy khuất nợ có chữ ký nhận của ông C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C. Bản thân ông C và bà D cũng xác định là có làm thủ tục và vay tiền của Quỹ TDND xã B vào năm 2012 và cũng xác nhận là chưa thanh toán trả nợ được đồng lãi hay gốc nào. Vì đã đủ căn cứ để xác định ông C và bà D có vay tiền của Quỹ TDND xã B và đến thời điểm hiện nay vẫn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi Hợp đồng tín dụng số AA10100236 ngày 31/10/2012. Nên việc ông C và bà D khai là không biết số tiền và không được nhận tiền là không có cở sở. Còn việc ông bà cho rằng chị Đỗ Thị L phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Quỹ TDND xã B là không đúng vì chị L không phải là người vay vốn của Quỹ. Ông bà cho vợ chồng chị L vay lại là quan hệ pháp luật dân sự khác. Lý do hoàn cảnh khó khăn, già yếu nên không trả nợ mà ông C đưa ra là không chính đáng và không được phía nguyên đơn chấp nhận. Việc Quỹ TDND xã B yêu cầu vợ chồng ông C và bà D phải trả nợ gốc và tính lãi suất theo từng thời điểm, lãi quá hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 91 - Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/ QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005 và Bộ luật dân sự năm 2005. Chính vì vậy cần buộc vợ chồng ông C và bà D phải trả chịu trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Quỹ TDND xã B toàn bộ số tiền gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 là 362.407.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 712.407.000 đồng.

Ngày 23/09/2016 người đại diện của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phụ kèm theo Hợp đồng tín dụng số AA10100236 ngày 31/10/2012. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 244 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 31/10/2012 giữa Quỹ TDND xã B với vợ chồng ông C và bà D. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện để được xưm xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

***4. Về án phí sơ thẩm***:

Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ TDND xã B được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả lại cho Quỹ TDND xã B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 8.750.000 đồng (Tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001590 ngày 18/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

Cần buộc vợ chồng ông C bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau: 20.000.000đ + (312.407.000đ x 4%) = 32.496. 000 đồng.

***5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

***1. Áp dụng:***Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án để tính án phí.

***2.Xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ TDND xã B.

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D phải thanh toán trả nợ cho Quỹ TDND xã B toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 là 362.407.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 712.407.000 đồng. (Bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm linh bảy ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/06/2017) ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng trên chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (số AA10100236 ngày 31/10/2012) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân B có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D không thi hành khoản tiền lãi 362.407.000 đồng trên, thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 – Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 31/10/2012 giữa Quỹ TDND xã B với vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

***3. Về án phí:***

- Hoàn trả cho Quỹ TDND xã B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001590 ngày 18/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Phạm Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 32.496. 000 đồng ( Ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

***4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:***

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***5. Về quyền kháng cáo:***

Người đại diện của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/06/2017. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên*
- *VKSND huyện Khoái Châu.*
- *Chi cục THADS huyện Khoái Châu.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*